

KẾ HOẠCH
Về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng
và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế trên địa bàn Tỉnh Đồng Tháp

Thực hiện Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2020 về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế, Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tổ chức nghiên cứu, quán triệt sâu rộng và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2020, tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức, hành động của lãnh đạo các ngành, các cấp, người sử dụng lao động, người lao động; đặc biệt là nâng cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu trong việc quản lý, phân bổ và sử dụng các nguồn lực công khai, minh bạch, hiệu quả.

2. Cụ thể hoá các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu, để các ngành, địa phương nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế, đảm bảo phù hợp với quan điểm, định hướng được đề ra trong Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12 tháng 3 năm 2020.

3. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế, yêu cầu các ngành, các cấp có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp một cách đồng bộ, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm theo lộ trình phù hợp và quyết tâm cao.

II. MỤC TIÊU

1. Đối với nguồn nhân lực

- Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm tỷ trọng lao động làm việc trong khu vực nông, lâm và thủy sản đến năm 2025 còn 40%, đến năm 2035 còn 32,8% và đến năm 2045 còn 21,8% trong tổng số lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2025 đạt 78,6% và đến năm 2030 đạt 87,4%.

- Khắc phục cơ bản tình trạng mất cân đối cung - cầu nhân lực; thiết lập hệ thống sắp xếp công việc dựa trên vị trí việc làm gắn với sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế.

- Đào tạo lực lượng lao động có kỹ năng đáp ứng yêu cầu phát triển các cụm ngành có hàm lượng khoa học công nghệ và giá trị gia tăng cao. Hình thành kinh tế tri thức, nâng cao năng suất lao động trong từng ngành, lĩnh vực.

2. Đối với nguồn vật lực

- Đến năm 2025:

+ Hoàn thiện các cơ chế, chính sách, công cụ thúc đẩy quản lý, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên thiên nhiên. Quản lý khai thác sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên. Đầu tư và vận hành có hiệu quả mạng lưới trạm quan trắc môi trường.

+ Hình thành hệ thống cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội tương đối đồng bộ, kết nối. Hoàn thành dứt điểm các công trình có tính cấp bách, trọng tâm, trọng điểm, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, nâng cấp hạ tầng kết nối nội tỉnh, vùng đồng bằng sông Cửu Long và kết cấu hạ tầng đô thị.

- Đến năm 2035:

+ Vận dụng các công cụ điều tiết thị trường quyền sử dụng đất, bảo đảm **99%** diện tích đất tự nhiên được đưa vào khai thác, sử dụng. Kiểm soát tình hình ô nhiễm nguồn nước, đảm bảo chất lượng nguồn nước phục vụ tốt cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất kinh doanh. Hiện đại hóa hệ thống quan trắc môi trường. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên, môi trường.

+ Bảo đảm hệ thống cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hướng đến hiện đại kết nối thuận tiện, nhanh chóng đến các tỉnh, vùng kinh tế trọng điểm phía nam. Kiến nghị Trung ương đầu tư hoàn chỉnh hệ thống các tuyến Quốc lộ với quy mô tối thiểu đạt cấp III đồng bằng; hệ thống các tuyến tỉnh lộ với quy mô tối thiểu đạt 80% cấp III đồng bằng.

- Đến năm 2045:

+ Chủ động ngăn ngừa, hạn chế tình trạng suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên.

+ Hoàn thiện cơ sở vật chất và kết cấu hạ tầng hiện đại, kết nối thông suốt liên tỉnh, liên vùng. Hệ thống các tuyến Quốc lộ, tỉnh lộ với quy mô tối thiểu đạt cấp III đồng bằng trở lên.

3. Đối với nguồn tài lực

Phân đầu tăng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2021 - 2025 bình quân khoảng **8 - 10%/năm**. Sau năm 2025, nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu với mức tăng thu ngân sách phù hợp, giữ vững an ninh tài chính địa phương, giảm dần tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước, hướng tới cân đối ngân sách tích cực.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đối với nguồn nhân lực

a) Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học, tạo nền tảng, tiền đề quan trọng quyết định chất lượng nguồn nhân lực. Triển khai thực hiện hiệu quả việc đổi mới chương trình đổi mới giáo dục theo lộ trình của Chính phủ, áp dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại, chú trọng giáo dục đạo đức, năng lực sáng tạo, kỹ năng sống, ngoại ngữ và tin học, quan tâm phát triển giáo dục thể chất nhằm nâng cao tầm vóc học sinh.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế ở các cơ sở giáo dục tiệm cận chuẩn đầu ra của khu vực và thế giới, liên kết đưa người lao động đi du học, đi thực tập và thực tập nâng cao tay nghề ở nước ngoài. Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên có trình độ cao, năng lực, phẩm chất tốt.

- Tăng cường đầu tư, hiện đại hóa cơ sở vật chất và trang thiết bị cho các cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình dạy và học theo hướng đạt chuẩn. Nâng cao chất lượng công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh ngay ở các cấp học.

- Thực hiện đánh giá lại công tác xã hội hoá giáo dục đã thực hiện trong từng giai đoạn, đề xuất những giải pháp khả thi, chính sách phù hợp để thúc đẩy công tác xã hội hoá giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

b) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Nâng cao hiệu quả đào tạo nghề nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ trong chất lượng nguồn nhân lực về mọi mặt (*thể lực, trí lực, tác phong, tổ chức kỷ luật*). Trong đó, chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật, kỹ năng nghề để đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của đơn vị sử dụng lao động trong tỉnh, ngoài tỉnh và nước ngoài.

- Bố trí đội ngũ giáo viên hợp lý tại các trường, trung tâm đào tạo nghề; đào tạo, bồi dưỡng giáo viên tại các cơ sở đào tạo tiến tới đạt chuẩn về trình độ đào tạo, kỹ năng nghề, ngoại ngữ và tin học, đáp ứng nhu cầu hội nhập khu vực và thế giới.

- Đổi mới nội dung, chương trình, giáo trình đào tạo khoa học theo nhu cầu thị trường, sát với thực tế sản xuất, cơ hội việc làm; cải tiến phương pháp đào tạo nâng cao kỹ năng thực hành của người học; tổ chức quá trình dạy học linh hoạt, liên thông để tạo điều kiện cho người học lựa chọn nghề theo học.

- Đẩy mạnh việc đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, tạo cơ hội tiếp cận các ngành, nghề phi nông nghiệp; tăng cường kết nối nhu cầu lao động của doanh nghiệp với các cơ sở đào tạo trên địa

bàn Tỉnh; phát huy vai trò chủ thể đào tạo lao động của doanh nghiệp gắn với phương thức đào tạo thích nghi, đào tạo chuyên sâu theo nghề nghiệp, từ đó tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh sắp xếp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng giảm số lượng, tăng quy mô cơ sở giáo dục nghề nghiệp; bảo đảm cơ cấu hợp lý về ngành nghề, trình độ đào tạo chuẩn hóa, hiện đại hóa, có phân tầng chất lượng.

- Tạo điều kiện thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao từ nước ngoài đến làm việc tại tỉnh; khuyến khích doanh nghiệp tham gia cung ứng dịch vụ việc làm, tham gia giáo dục nghề nghiệp.

- Thắt chặt mối quan hệ phối hợp giữa các ngành, địa phương, cơ sở đào tạo và tổ chức kinh tế trong việc quản lý, dự báo, cân đối nhu cầu, đào tạo nguồn nhân lực. Nâng cao hiệu quả sản xuất dịch vụ việc làm. Đẩy mạnh công tác đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng, với quan điểm không chỉ vì mục tiêu giảm nghèo mà còn là đầu tư cho nguồn nhân lực, là điều kiện để thu hút đầu tư.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh và UBND cấp huyện tăng cường tuyên truyền, thông tin các chủ trương chính sách mới về lao động, nghề nghiệp nhằm tác động ý thức chủ động học tập nâng cao trình độ, tay nghề, kỹ năng. Nâng cao nhận thức làm việc bất cứ nơi nào có nhu cầu và luôn trau dồi phát triển bản thân, nhất là đối tượng thanh niên.

c) Sở Nội vụ

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ công chức các cấp gắn với nhu cầu cụ thể và các đề án trọng điểm của Tỉnh.

- Chuẩn hóa, đào tạo và thường xuyên bồi dưỡng, tập huấn, cập nhật nâng cao kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ quản lý nguồn lao động, quản lý đào tạo các cấp.

- Tham mưu UBND Tỉnh các giải pháp đẩy mạnh quá trình trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị, tổ chức sự nghiệp công lập trong quản lý, sử dụng nhân lực.

d) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Sở Thông tin và Truyền thông

Phát triển mạnh hệ thống thông tin đại chúng, mở rộng cơ hội và tăng cường năng lực cho người dân tiếp cận thông tin, thụ hưởng các dịch vụ văn hóa, vui chơi giải trí, có cuộc sống tinh thần lành mạnh nhằm nhanh chóng tái tạo, phát triển năng lực làm việc và khả năng sáng tạo của mỗi người.

e) Sở, ban, ngành Tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

- Quan tâm theo dõi thường xuyên tình hình về dân số; thực hiện tốt công tác quản lý, duy trì quy mô dân số, cơ cấu dân số, tốc độ tăng dân số, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên, quản lý nguồn lao động, sử dụng nguồn lao động hợp lý và đảm bảo cân đối cung - cầu lao động phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Trang bị cho nông dân các kiến thức cơ bản về những ngành nghề ở khu vực nông thôn, thông qua các lớp khuyến nông, khuyến ngư, khuyến công, tạo điều kiện cho nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và nâng cao năng lực tiếp cận thông tin về khoa học công nghệ, thông tin thị trường.

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và địa phương trong việc quản lý và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức theo thẩm quyền được phân cấp.

- Đổi mới công tác quản lý và phương thức hoạt động của các đoàn thể, các tổ chức quần chúng, xã hội, nghề nghiệp... trong phát triển nguồn nhân lực.

2. Đối với nguồn vật lực

a) Đối với nguồn lực tài nguyên thiên nhiên

- Sở Tài nguyên và Môi trường

+ Tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục giao đất, cho thuê đất, miễn, giảm tiền thuê đất, các loại thuế theo quy định hiện hành nhằm thu hút các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong và ngoài tỉnh đầu tư vào sản xuất nông nghiệp.

+ Thường xuyên kiểm tra, rà soát tình hình sử dụng đất đã giao cho các chủ sử dụng, kịp thời báo cáo UBND Tỉnh các trường hợp sai phạm. Kịp thời tham mưu xử lý thu hồi đất đối với các trường hợp được nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư đã quá thời hạn quy định nhưng chưa xây dựng hoặc xây dựng kéo dài chưa đưa vào sử dụng; kiên quyết xử lý các trường hợp sử dụng đất đai sai mục đích, không đúng quy hoạch làm suy giảm sức sản xuất của đất bằng hình thức phạt hành chính, khôi phục lại tình trạng ban đầu hoặc thu hồi đất; tham mưu xử lý triệt để tình trạng lấn chiếm, chuyển nhượng, chuyển mục đích, cho thuê, mượn, giao khoán trái pháp luật, sử dụng đất lãng phí, không hiệu quả.

- Sở, ban, ngành Tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

+ Tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện truyền thông đại chúng về các quy định pháp luật đất đai hiện hành, những điển hình tiên tiến sử dụng đất có hiệu quả theo hướng canh tác bền vững; nâng cao ý thức về tầm quan trọng của tài nguyên thiên nhiên đối với đời sống xã hội để người dân sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước, bảo vệ rừng và duy trì đa dạng sinh học.

+ Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, xây dựng kế hoạch các cấp, các ngành phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu. Xây dựng và triển khai các dự án, mô hình điểm bảo vệ môi trường và phòng, chống, ứng phó với thiên tai.

+ Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổ chức quản lý chặt chẽ trữ lượng tài nguyên trên địa bàn. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác tài nguyên và quản lý môi trường. Xử lý nghiêm các trường hợp gây ô nhiễm môi trường, khai thác tài nguyên nước và cát không phép, trái phép theo quy định của pháp luật. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu địa phương trong quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

b) Đối với nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội

- Sở Kế hoạch và Đầu tư

+ Tham mưu xây dựng và triển khai Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Chủ trì, tham mưu UBND Tỉnh các cơ chế, chính sách tăng cường huy động nguồn lực đầu tư từ khu vực ngoài nhà nước tham gia đầu tư phát triển cơ sở vật chất và hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

+ Tham mưu UBND Tỉnh đề án xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ giai đoạn 2021 - 2030 theo tinh thần Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2012 nhằm xác định những nhiệm vụ trọng tâm đảm bảo phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại.

+ Xây dựng, tham mưu tốt công tác triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm gắn với định hướng phát triển các ngành, tổ chức không gian, phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng, phương án kết nối vùng theo quy hoạch; huy động mọi nguồn lực đầu tư các công trình có tính cấp bách, trọng điểm, các công trình kết cấu hạ tầng bảo đảm tính đồng bộ, tính kết nối, tạo bước đột phá đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải phát sinh nợ xây dựng cơ bản, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công chậm.

- Trung tâm Xúc tiến Thương mại, Du lịch và Đầu tư

+ Phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện tốt các hoạt động xúc tiến đầu tư trong nước và nước ngoài, hướng tới các nhà đầu tư có thương hiệu, có năng lực đầu tư phát triển hạ tầng trong các lĩnh vực như: giao thông, logistics, môi trường, viễn thông, đô thị, du lịch, giáo dục, y tế, khoa học công nghệ. Tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án đã được cấp Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Sở Giao thông Vận tải

+ Tham mưu các phương hướng, giải pháp phát triển mạng lưới giao thông của Tỉnh kết nối với mạng lưới giao thông quốc gia, kết nối với các đô thị lớn trong khu vực, cả nước.

+ Đề xuất các phương án đầu tư hoàn chỉnh các công trình giao thông trọng điểm liên kết vùng: Quốc lộ 30, N1, N2, tuyến Mỹ An - Cao Lãnh, đường cao tốc Hồ Chí Minh, đường cao tốc An Hữu - Cao Lãnh. Đồng thời, nâng cấp các tuyến đường tỉnh theo hướng đạt chuẩn cấp đồng bằng theo lộ trình; phát triển hạ tầng giao thông nông thôn gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; nâng cấp các tuyến vận tải đường thủy (*tuyến sông Tiền, sông Hậu, Mương Khai - Đốc Phủ Hiền*), các tuyến đường thủy nội địa kết nối; đầu tư, nâng cấp các bến cảng, bến thủy nội địa nhằm kết nối với các phương thức vận tải phục vụ các khu - cụm công nghiệp và phát triển logistics.

+ Tham mưu phát triển giao thông thông minh, thường xuyên kiểm tra và thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng các tuyến giao thông.

- Sở, ban, ngành Tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

+ Khẩn trương hoàn thành các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 05/3/2013 của Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 149-CTr/TU ngày 30/10/2012 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

+ Tổ chức các hoạt động truyền truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành về chính sách xã hội hóa các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường. Đồng thời, cải thiện môi trường đầu tư, cải cách hành chính, tạo điều kiện khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư các lĩnh vực này.

+ Quản lý chặt chẽ vốn đầu tư công, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước, khắc phục triệt để tình trạng đầu tư dàn trải; tăng cường công tác thẩm định đầu tư, để lựa chọn được các dự án thật sự hiệu quả về kinh tế - xã hội; thường xuyên phối hợp, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn để đẩy nhanh tiến độ các dự án đang thực hiện nhằm sớm đưa vào sử dụng, nhất là các dự án có sức lan tỏa; tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, áp dụng phương pháp quản lý hiện đại trong tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội, trước tiên là trong lĩnh vực đầu tư công, tài sản công, đấu thầu, du lịch, giao thông, công nghiệp, nông nghiệp.

3. Đối với nguồn tài lực

a) Sở Tài chính

- Quản lý chặt chẽ các khoản vay, đảm bảo sử dụng đúng mục tiêu đã đề ra, có kế hoạch bố trí trả nợ và lãi vay đúng hạn. Đảm bảo tỷ lệ mức dư nợ không vượt quá quy định hiện hành so với mức dư nợ vay tối đa của địa phương.

- Rà soát tài sản công không còn nhu cầu sử dụng để quyết định thu hồi, lập phương án xử lý tài sản sau khi thu hồi theo quy định tạo nguồn tài chính bổ sung ngân sách nhà nước phục vụ cho mục tiêu đầu tư phát triển và các nhu cầu khác theo quy định; kiên quyết thu hồi các tài sản sử dụng sai đối tượng, sai mục đích, vượt tiêu chuẩn, định mức; tổ chức xử lý tài sản đúng pháp luật, công khai, minh bạch, không để lãng phí, thất thoát tài sản công. Tiếp tục cập nhật thông tin sắp xếp nhà đất vào phần mềm do Bộ Tài chính xây dựng và tiếp tục triển khai các quy định Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các văn bản hướng dẫn thi hành cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu mới, phù hợp với quy định; tăng tỷ trọng thu nội địa, bảo đảm tỷ trọng hợp lý giữa thuế gián thu và thuế trực thu, khai thác tốt thuế thu từ tài sản, tài nguyên, bảo vệ môi trường... Đảm bảo nuôi dưỡng tốt nguồn thu và chống thất thu. Đồng thời, huy động tối đa các nguồn lực tài chính khác để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Đổi mới quản lý chi ngân sách nhà nước phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tập trung chi đầu tư phát triển, rà soát các chính sách xã hội, an sinh xã hội để sử dụng ngân sách có hiệu quả hơn, đảm bảo bố trí không dưới 1% tổng chi ngân sách nhà nước cho hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường theo quy định. Từng bước triển khai quản lý chi ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ gắn với thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội từng giai đoạn, kiểm soát chặt chẽ việc ứng trước dự toán, chi chuyển nguồn, chi từ nguồn dự phòng ngân sách nhà nước, bảo đảm triệt để tiết kiệm, chống lãng phí.

b) Sở, ban, ngành Tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

- Thực hiện nghiêm Luật Ngân sách nhà nước. Cơ cấu lại ngân sách nhà nước gắn với việc sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế, đảm bảo chi ngân sách đúng dự toán được giao, tiết kiệm, chống lãng phí.

- Tổ chức rà soát, sắp xếp lại tài sản công bảo đảm sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức theo chế độ quy định và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

- Đối với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố hướng tới cân bằng thu chi tích cực, chống thất thu, minh bạch hóa các khoản thu và tăng tính bền vững trong thu ngân sách.

- Huy động kinh phí cho bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu từ nguồn vốn của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; đẩy mạnh hoạt động xã hội

hóa lĩnh vực môi trường theo Nghị định số 69/2008/NQ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường.

- Thực hiện rà soát hồ sơ quản lý, sử dụng đất đai của các đối tượng sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Trên cơ sở đó, thực hiện thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất theo đúng chế độ quy định, hạn chế thất thoát nguồn thu ngân sách nhà nước từ đất đai.

- Khẩn trương xây dựng, công khai quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị, rà soát, xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp xây dựng dự án, công trình không phù hợp với quy hoạch, buộc phải di dời.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng Sở, ban ngành Tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

- Tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 13/2/2020 của Chính phủ, Nghị quyết 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế và Kế hoạch này đến các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân trong Tỉnh.

- Căn cứ tình hình thực tế thực hiện việc lồng ghép hoặc cụ thể hóa bằng kế hoạch của ngành, đơn vị, kinh tế - xã hội của địa phương hằng năm và 05 năm để thực hiện; tập trung và chủ động trong tham mưu đề xuất, thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp được phân công trong Kế hoạch này gắn với các chủ trương, giải pháp của Chính phủ, bộ ngành Trung ương cụ thể hóa Nghị quyết số 30/NQ-CP bằng các văn bản có liên quan.

- Chú trọng công tác phối hợp triển khai thực hiện giữa ngành với ngành, giữa ngành với địa phương để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra trong Kế hoạch; nêu cao ý thức trách nhiệm, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của mỗi cơ quan, tổ chức và cá nhân trong việc triển khai thực hiện.

- Tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ hằng năm (*trước ngày 05 tháng 12*) báo cáo kết quả thực hiện về Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh báo cáo theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra các Sở, ban, ngành Tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện các công việc đảm bảo chất lượng và thời gian theo quy định.

- **Định kỳ ngày 18 tháng 12 hằng năm** tổng hợp chung kết quả thực hiện Kế hoạch này của các cơ quan, đơn vị, báo cáo UBND Tỉnh, đồng thời, tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh sơ kết, tổng kết việc thực hiện.

- Định kỳ 5 năm chủ trì rà soát, cập nhật về thực trạng quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế; trên cơ sở đó tham mưu Ủy ban nhân dân Tỉnh điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch phù hợp tình hình thực tế, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân Tỉnh (*thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư*) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT/Tỉnh uỷ, TT/HĐND Tỉnh;
- CT và các PCT UBND Tỉnh;
- Các sở, ban, ngành Tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Lãnh đạo VP/UBND Tỉnh;
- CVNC VPUBND Tỉnh;
- Lưu: VT, THVX (Thư).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Dương